### **THAM LUẬN TẠI HỘI THẢO**

**GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT ĐẤU THẦU (SỬA ĐỔI)**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2023*

**GÓC NHÌN DOANH NGHIỆP VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG**

**CỦA DỰ THẢO LUẬT ĐẤU THẦU (SỬA ĐỔI)**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Trần Thanh Hương – Khoa Luật**  **Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP.HCM** |

Để góp phần cho Luật Đấu thầu (sửa đổi) được thông qua một cách có chất lượng, phù hợp và có tính khả thi cao đối với những đối tượng chịu sự tác động, chúng tôi xin có một vài ý kiến bình luận và đề xuất từ góc nhìn doanh nghiệp cho Dự thảo mới nhất (đề ngày 05/4/2023).

1. **Phần ý kiến tổng quan**

Về cơ bản chúng tôi cho rằng việc sửa đổi LĐT là cần thiết và đúng thời điểm. Việc sửa đổi này không những không mâu thuẫn với logic về “tuổi thọ” của một đạo luật trong một đất nước đang phát triển, bổ sung kịp thời và phù hợp với yêu cầu thống nhất đồng bộ của cả hệ thống pháp luật, mà còn đáp ứng kỳ vọng, nhu cầu cao hơn và thiết thực của xã hội trong việc chống tham nhũng, tiêu cực, gian lận, thông đồng gây thất thoát lãng phí tài sản Nhà nước và xã hội.

Cũng còn nhiều quy định trong Dự thảo bỏ lửng sự điều chỉnh cụ thể, kiểu như “*Chính phủ quy định chi tiết Điều này*”. Điều này có thể giảm đi phần nào giá trị điều chỉnh mạnh mẽ và trực tiếp của Luật, song chúng tôi vẫn đánh giá tích cực về tính hợp lý của nó trong bối cảnh và trình độ phát triển pháp luật chung của nước ta.

Doanh nghiệp là chủ thể tham gia hoặc liên quan đến hoạt động đấu thầu và chịu sự điều chỉnh của Luật Đấu thầu (LĐT) chủ yếu với 2 tư cách: (i) Tư cách chủ đầu tư, bên mời thầu; và (ii) Tư cách nhà thầu, nhà đầu tư. Mối quan tâm của một số doanh nghiệp tham gia hoạt động đấu thầu với tư cách chủ đầu tư, bên mời thầu (trực tiếp hay gián tiếp, có đặc thù chủ sở hữu là nhà nước hay tự nguyện chọn LĐT để áp dụng) đó là: LĐT điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp đã rõ ràng và hợp lý chưa, quy định của LĐT có thực sự tăng hiệu quả kinh tế trong việc sử dụng nguồn lực của chủ đầu tư hay không? Còn với tư cách nhà thầu, nhà đầu tư thì quan tâm của doanh nghiệp là: LĐT đã đủ ràng buộc các chủ thể khác (người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu) có hành vi thực sự công khai, rõ ràng minh bạch để doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp hàng hoá, dịch vụ hoặc thực hiện dự án đầu tư trong một môi trường cạnh tranh, công bằng, góp phần phát triển của nền kinh tế thị trường lành mạnh hay chưa?

Sau đây là một số ý kiến, bình luận cụ thể.

1. **Phần bình luận, góp ý về các nội dung cụ thể**
   1. **Phạm vi điều chỉnh:** Điều 1 Dự thảo là: “*Luật này quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu; thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đấu thầu, hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu, hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh*”.

Có thể cân nhắc bỏ cụm “*hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu, hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh*” vì thuật ngữ “đấu thầu” đã được giải thích ở Điều 4 đã bao hàm phần này- cụm này vốn được trích ra từ khái niệm đó đó, lại là trích một cách không đầy đủ. Vì thế chúng tôi cho rằng cụm “*hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu, hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh*” là không cần thiết, không mang ý nghĩa; chỉ cần viết “*Luật này quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu; thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đấu thầu”* là đủ.

* 1. **Đối tượng áp dụng:** Điều 2 Dự thảo về đối tượng áp dụng đã được sắp xếp rõ ràng và có trật tự hơn về mặt kỹ thuật so với luật hiện hành, theo đó chủ thể có liên quan (trong đó có doanh nghiệp) đã dễ dàng hơn trong việc xác định mình có phải là đối tượng áp dụng bắt buộc của LĐT hay không, từ đó biết sự ràng buộc xuyên suốt trong hành vi liên quan của mình.

Dự thảo Luật đã quy định phạm vi áp dụng Luật Đấu thầu đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp có vốn nhà nước theo 2 phương án, được trình bày ở khoản 2 Điều 2.

Chúng tôi có ý kiến về các phương án này như sau:

* ***Phương án 1*** là việc áp dụng Luật Đấu thầu đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Điều này có nghĩa là LĐT áp dụng cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (theo khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp).

Tuy nhiên, điểm hạn chế của phương án này là chưa thể hiện được công ty con của DNNN (sở hữu từ trên 50% đến 100% vốn của công ty mẹ) có thuộc đối tượng áp dụng của LĐT hay không chưa có câu trả lời. Đối tượng này hiện nay được gọi là “doanh nghiệp có vốn của DNNN” theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, và đó cũng là tinh thần của pháp luật doanh nghiệp.

* ***Phương án 2*** quy định chặt chẽ hơn vì “điểm mặt” trực tiếp “*doanh nghiệp có vốn của doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ*”[[1]](#footnote-1) (công ty con của DNNN) và phù hợp với pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Cách diễn đạt trong phương án này trả lời được câu hỏi “công ty có vốn của DNNN có thuộc đối tượng điều chỉnh của LĐT hay không”.

Tuy nhiên, phương án này lại gặp vấn đề khác về nội dung, đó là: chưa rõ sự ràng buộc, chưa rõ “thân phận” của những công ty mà DNNN đầu tư vốn ở mức sâu hơn (ví dụ công ty con của công ty con- tạm gọi “công ty cháu”). Nếu những doanh nghiệp này (tuỳ tình trạng sở hữu vốn) cũng phải theo quy định của LĐT mới là ý chí của nhà làm luật thì diễn đạt như Dự thảo chưa thành công; còn nếu những doanh nghiệp này không chịu sự ràng buộc của LĐT thì pháp luật còn bất cập về nội dung, đặc biệt trong trường hợp “công ty cháu” có 100% vốn của công ty con, nghĩa là sở hữu có nguồn gốc nhà nước vẫn mang bản chất đó, tỉ lệ đó nhưng doanh nghiệp lại “thoát” sự ràng buộc của LĐT. Trong trường hợp này, vốn nhà nước không loãng đi hơn nhưng pháp luật “thả/buông”, không “với” tới.

Đề xuất: Đề nghị Ban soạn thảo thể hiện rõ quan điểm. Nếu đẩy vấn đề sang lĩnh vực pháp luật khác sẽ tiềm tàng bất cập, chưa kể bản thân khái niệm “DNNN” đã bị thay đổi một cách khó lường. Nên chăng quy định trực tiếp trong LĐT cơ cấu, tính chất sở hữu của doanh nghiệp?!?!

* Tương tự, việc bổ sung tại khoản 2.b) Điều 2 của Dự thảo *“Gói thầu trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước”* thể hiện Dự thảo LĐT đã góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật nước ta khi vấn đề này đã được đề cập trong các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực KHCN mà Bộ KHĐT và Bộ TC đã định hình được khung chính sách về việc chi tiêu này trong những năm qua. Tuy nhiên, vẫn chưa rõ nội dung này phải được áp dụng sâu đến mức nào trong hệ sinh thái các DNNN có quan hệ mẹ-con và phức tạp.
* Chúng tôi cho rằng Dự thảo mới không quy định LĐT áp dụng cho hoạt động lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng là hợp lý.

- Nếu như Khoản 1-2 đã rõ về chủ thể áp dụng mà LĐT hướng đến thì Khoản 3 Điều 2 chưa rõ điều này.

Khoản 3 Điều 2 là *“ 3. Hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh gồm:*

*a) Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đất đai;*

*b) Dự án đầu tư thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực*”

Cơ quan nhà nước lựa chọn nhà đầu tư hay doanh nghiệp nhà nước cũng phải tổ chức đấu thầu để lựa chọn đối tác cùng thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất?

* **Khoản 4 Điều 2** là một nội dung rất tốt của Dự thảo: “*Tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc khoản 1, khoản 2 và khoản 3 của Điều này được tự quyết định chọn áp dụng toàn bộ hoặc các điều, khoản, điểm cụ thể theo quy định của Luật này.*” Với quy định này, vướng mắc thực tế của khá nhiều các DN không bắt buộc phải theo LĐT nhưng có nhu cầu áp dụng LĐT đã được giải toả.
  1. **Về áp dụng pháp luật đấu thầu (Điều 3)**
* Khoản 4 Điều 3 là: “*4. Lựa chọn nhà thầu ở nước ngoài để thực hiện gói thầu ở nước ngoài của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài*”.

Chúng tôi cho rằng nên thay Luật bằng “pháp luật” cho “an toàn” và chính xác vì không chắc chắn nội dung liên quan quy định ở văn bản luật;

* Khoản 8 Điều 3 quy định: “*8. Trong các trường hợp sau, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phép tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở**bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả kinh tế:…*”.

Nếu bỏ chữ “*người đứng đầu*” trong quy định này thì pháp luật vẫn đạt được mục đích điều chỉnh mà lại sự bất cập trong trong trường hợp phải xác định người đứng đầu của doanh nghiệp là ai. Pháp luật về doanh nghiệp không có khái niệm “người đứng đầu doanh nghiệp” nên quy định như Dự thảo sẽ khiến doanh nghiệp lúng túng. Thực tế, trong vấn đề này hay rất nhiều vấn đề khác, doanh nghiệp thường xác định chủ thể quyền theo cách tuỳ thuộc quy định của pháp luật liên quan, điều lệ/các quy định nội bộ khác trong doanh nghiệp về thẩm quyền các chủ thể trong cơ cấu/bộ máy của doanh nghiệp.

* Khoản 8.b) Điều 3: tương tự Điều 2.2 và Điều 2.2.b) chưa rõ ý định của nhà làm luật đối với hệ thống doanh nghiệp trong mối quan hệ mẹ-con sâu hơn nữa của DNNN.
* Khoản 8.d) Điều 3 về “dự án đầu tư kinh doanh” của DNNN là bổ sung có chất lượng, là câu trả lời cho vấn đề mà doanh nghiệp băn khoăn trong thời gian dài khi lựa chọn đối tác kinh doanh. Chúng tôi cho rằng: (i) cần quy định rõ hơn, ví dụ “*để lựa chọn nhà thầu là đối tác thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh cho dự án đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước*” (ii) cần xác định rõ sự ràng buộc trong hệ thống các công ty có mối quan hệ mẹ-con;
* Vấn đề ngôn ngữ thể hiện của Điều 3.8, các điểm a, b, c, d… cần nhất quán cách sử dụng ngôn ngữ (động từ hay danh từ). Theo Dự thảo, nên bỏ “*việc*” ở c & đ.
  1. **Giải thích từ ngữ (Điều 4)**

Xem lại Điều 4.10 khi giải thích “Đấu thầu quốc tế”. Giải thích hiện tại có thể bị hiểu là trong đấu thầu quốc tế bắt buộc phải có cả nhà thầu và nhà đầu tư trong nước và nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài, trong khi sẽ có tình huống là chỉ có nhà thầu/nhà đầu tư nước ngoài tham gia đấu thầu.

* 1. **Quy định về bảo đảm dự thầu**

**Điều 14** về Bảo đảm dự thầu là một điều khoản rõ ràng, hợp lý hơn, bao quát được nhiều nội dung cần điều chỉnh như trường hợp áp dụng, thời điểm áp dụng, mức áp dụng, vấn đề hoàn trả và không hoàn trả, thời hạn hoàn trả. Đặc biệt, việc bổ sung khoản 10 về nguyên tắc sử dụng bảo đảm dự thầu không được hoàn trả chứng tỏ LĐT đã thể hiện tầm điều chỉnh của mình trong mối quan hệ với lĩnh vực pháp luật khác (tài chính công…)

Tuy nhiên, còn một số nội dung vẫn nên hoàn thiện, đơn cử:

* Khoản 1 có nội dung mới, tốt, rõ ràng song làm hẹp khả năng của các chủ thể liên quan lực chọn các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ đa dạng mà pháp luật dân sự đã đề cập. Mục đích của bảo đảm dự thầu là để ràng buộc trách nhiệm của nhà thầu/nhà đầu tư về đề nghị/đề xuất của họ đối với Chủ đầu tư- suy rộng ra, đó là một dạng của đề nghị giao kết hợp đồng trong dân sự. Vì thế nên cân nhắc cả hình thức khác, hoặc chỉ nên quy định chung chung về nghĩa cụ của chủ đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu để ràng buộc trách nhiệm nhà thầu.
* Việc tách 2 nội dung khoản 4 thành 4.a) và 4.b) về mức bảo đảm dự thầu là sự thể hiện khó hiểu về căn cứ. Chúng tôi có ý kiến là:

Thực tế thời gian qua đã phát sinh bất cập khi các nhà thầu doanh nghiệp “bùng” hợp đồng do những biến động thị trường và chính sách nên con số 3% giá gói thầu trong nhiều trường hợp nào đó không đủ sức để nhà thầu cân nhắc kỹ càng và lựa chọn không vi phạm. Vì thế giá trị bảo đảm này thậm chí còn nên có biên độ rộng hơn so với con số từ 1% đến 3% giá gói thầu trong một số trường hợp đặc biệt, trao quyền cho chủ đầu tư quyết định phù hợp tình trạng của mình sau khi họ tự cân nhắc chuyện chi phí, hao tổn nhân lực vật lực, “tổn thất” từ sự vi phạm của nhà thầu, nhu cầu “răn đe”… Điều cốt lõi là nội dung này không ảnh hưởng xấu đến bản chất cạnh tranh công bằng giữa các nhà thầu, nhà đầu tư và sự công khai minh bạch từ phía chủ đầu tư, bên mời thầu.

* 1. **Về các hành vi bị cấm trong đấu thầu (Điều 16 Dự thảo)**

Chúng tôiđồng ý với cấu trúc của Điều 16 Dự thảo, thậm chí còn có ý kiến là Dự thảo không nên có thay đổi lớn khi nội dung điều này đã khá rõ ràng và đang có sự thống nhất tương đối với quy định của các lĩnh vực pháp luật khác (ví dụ, Điều 222 BLHS 2015 với tội danh “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu qủa nghiêm trọng”)

Tuy nhiên, để hoàn thiện, nên lưu ý các vấn đề sau:

Về các hành vi thông thầu; gian lận; cản trở:

+ Diễn đạt rõ khi mô tả hành vi: “và” hay “hoặc”

+ Nên mô tả tính chất của hành vi hơn là liệt kê hành vi, vì liệt kê dễ bị thiếu, ví dụ: “*thông thầu là việc dàn xếp thoả thuận giữa 2 hoặc nhiều bên nhằm mục đích hoặc gây ảnh hưởng đến …*”

+ Xem xét lại ép buộc thuộc phạm trù “thông thầu” hay là hành vi khác

+ Nội dung tại Điều 16.3.c) “*Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu*” là thông thầu trong khi “thông thầu” chắc chắn phải có dấu hiệu về sự “dàn xếp/thoả thuận” về mặt hành vi chủ thể?

+ Có nên coi Điều 4.7 là một phần nội dung của Điều 4.6 hay không?

* 1. **Vấn đề huỷ, đình chỉ, không công nhận kết quả (Điều 17, 18)**

Với mỗi biện pháp, cần quy định tổng thể để có câu trả lời cho tất cả nội dung: Thẩm quyền [áp dụng] của ai? Căn cứ/trường hợp áp dụng? Thời điểm áp dụng? Hệ quả pháp lý và vấn đề bồi thường thiệt hại… vì thiếu bất kỳ yếu tố nào trong số các yếu tố nêu trên cũng có thể khiến cho việc áp dụng lúng túng.

* 1. **Về hình thức lựa chọn nhà thầu**
* Điều 20.2: còn rối về diễn đạt.
* Điều 22.2.b): không cần thiết vì đã có Điều 3 về nguyên tắc trong áp dụng LĐT. Nếu quy định này cần, sẽ cần cho các trường hợp còn lại, ko chỉ Đ.22.
* Điều 23.1.d) nên diễn đạt lại vì diễn đạt hiện tại sẽ bị hiểu là gói thầu [có nội dung thực hiện nhằm] bảo vệ bí mật nhà nước chứ không phải là vì bảo vệ bí mật nhà nước nên gói thầu nào đó cần sử dụng hình thức chỉ định thầu.
  1. **Vấn đề hợp đồng**
* Điều 64 về loại hợp đồng là một điều khoản có chất lượng, thể hiện sự kế thừa và phát triển so với Luật Đấu thầu hiện tại. Tuy nhiên, chúng tôi đề nghị Ban soạn thảo xem xét các nội dung sau đây liên quan hợp đồng để tính pháp lý trong các quy định được thuyết phục hơn:
* Ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn: việc bắt buộc cách thành viên liên danh trực tiếp ký có thực sự cần thiết về mặt pháp lý nếu như các nhà thầu liên danh có thoả thuận rõ ràng hay uỷ quyền hợp pháp?

Dự thảo là:

**Điều 54.4.** “*Đối với nhà thầu liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào thỏa thuận khung*”.

**Điều 67.1** “….*Đối với nhà thầu liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng; đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, tất cả thành viên tham gia liên danh trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng hoặc thành viên liên danh ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng với đơn vị có nhu cầu mua sắm theo phân công tại thỏa thuận liên danh*”

Thực tế áp dụng pháp luật đấu thầu đã có những trường hợp nhà thầu có năng lực kinh nghiệm bị bỏ qua do quy định có phần “cứng” nêu trên (mà lại không tăng thêm ràng buộc về trách nhiệm nhà thầu). Nếu có thoả thuận và uỷ quyền rõ ràng thì bản chất về trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp đều được khẳng định.

* Điều 69 của Dự thảo về “nguyên tắc thực hiện hợp đồng” là điều khoản bổ sung không cần thiết và thiếu ý nghĩa

*1. Các bên ký kết hợp đồng có trách nhiệm thực hiện theo hợp đồng đã ký kết.*

*2. Bảo đảm trung thực, hợp tác và đúng pháp luật.*

*3. Không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, cộng đồng và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.*

Những nội dung nêu trên đã là nguyên lý nền tảng của mọi giao dịch dân sự, mọi hành vi trong hợp đồng dân sự.

* Khoản 5 Điều 70 chưa rõ, nên cẩn trọng khi “các bên không phải ký phụ lục…’’ vì liên quan đến thủ tục quyết toán/kiểm toán hợp đồng và dự án trong pháp luật về đầu tư-xây dựng.
  1. **Về giải quyết tranh chấp**

Dự thảo không có mục riêng về giải quyết tranh chấp tại toà án mà chỉ thể hiện nội dung này tại 1 điều (Điều 92) là hợp lý. Pháp luật dân sự và tố tụng dân sự đã có khá đủ các quy định liên quan (về xác định quyền khởi kiện của các chủ thể, thẩm quyền Toà án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, tạm dừng việc đóng thầu và các hoạt động có liên quan đến việc đấu thầu như phê duyệt danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng …)

Luật Đấu thầu cùng với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan tạo cơ sở pháp lý quan trọng để góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, tạo môi trường công khai, minh bạch để các doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng, được lựa chọn trở thành nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm công, quản lý sử dụng vốn, tài sản của nhà nước. Với thời gian và khuôn khổ của Hội thảo, chúng tôi hy vọng những góp ý, bình luận trên đây ở chừng mực nào đó sẽ được tiếp thu và thể hiện trong LĐT (sửa đổi) từ đó hạn chế, khó khăn, vướng mắc, giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp trong thời gian tới mà vẫn bảo đảm mục đích điều chỉnh của pháp luật đấu thầu.

1. Thực ra, diễn đạt là *“…và doanh nghiệp có vốn điều lệ của DNNN trên 50%*” sẽ rõ, xuôi hơn. [↑](#footnote-ref-1)